TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/4/2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;
2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lan Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Năm 1998, bà Đ và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống. Năm 2006, bà Đ và ông T đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không có ý thức xây dựng cuộc sống chung, đi làm không đưa cho bà lo sinh hoạt gia đình, ham nhậu nhẹt, chơi cờ bạc gây nợ nần cho gia đình dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, cuộc sống căng thẳng, không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng còn sống chung nhưng mạnh ai người nấy sống, tình cảm nhạt nhẽo, không tôn trọng lẫn nhau.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm không giải quyết được, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Bà và ông T có ba con chung là Nguyễn Văn M, sinh năm 1999; Nguyễn Quang V, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 31/10/2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thuỳ L cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Văn M và Nguyễn Quang V đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vắng mặt, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Tại phiên toà, ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ; tại phiên toà, ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các điều 28, 35, 39 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà Đ và Giấy chứng nhận kết hôn số 71 do Ủy ban nhân dân xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 25/7/2006 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Đ và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ

hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của bà Đ phù hợp với kết quả xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T để làm việc, hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, bỏ mặc quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt; mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên bà Đ để đoàn tụ gia đình nhưng bà Đ cương quyết ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Đ, ông T là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Căn cứ bản sao các giấy khai sinh của các con chung Nguyễn Văn M, Nguyễn Quang V và Nguyễn Thị Thuỳ L, có cơ sở để xác định: Bà Đ và ông T có ba con chung. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thuỳ Linh của bà Đ thì thấy: Cháu Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 31/10/2006 là con gái, chưa đủ 18 tuổi, cần có sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, cháu Linh cũng có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Trong khi, bản thân ông T không đến Toà án làm việc, không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà Đ. Về điều kiện nuôi con: Bà Đ có việc làm, có thu nhập để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Thuỳ L cho bà Đ trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Đ không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình. Con chung Nguyễn Văn M và Nguyễn Quang V đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao con chung Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 31/10/2006 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi; ông

Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Văn M và Nguyễn Quang V đã thành niên, không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3104 ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Đ đã nộp xong án phí.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2024), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Thị Huyền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Châu Pha.
(Số CNKH 71 ngày 25/7/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.